

BẢNG THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 7 năm 2025

MLTT: 2.340.000

TT	Họ và tên	Lương hệ số										BHXH trả thay lương	Ngày hưởng lương thực tế	Các khoản trừ vào lương 10,5%				Thực lĩnh	Ghi chú
		Hệ số lương	PC CV	PC KV	PCT N	PC ưu đãi nghề	Số năm hưởng PCT NN (%)	Hệ số PCTNN	Số năm hưởng PCTN VK (%)	Hệ số PCTN VK	Cộng hệ số			Tiền lương tháng	8% BHXH	1,5% BHYT	1% BHTN		
A	B	1	2	3	4	5	6	7.000	8	9	10=1+2 +3+4+6 +8+9	11	12	13	14	15	16	17=14+15+16	18

I. Lương cán bộ công chức, viên chức

1	Kiều Thanh Huyền	4,65	0,5	0,5		2,58	20%	1,030			9,26	21.656.700		21.656.700	1.156.896	216.918	144.612	1.518.426	20.138.274	
2	Phạm Thị Hiền	4,98	0,35	0,5		2,67	25%	1,333			9,83	22.996.350		22.996.350	1.247.220	233.854	155.903	1.636.976	21.359.374	
3	Nguyễn Thu Hà	3,66	0,35	0,5		2,01	16%	0,642			7,16	16.746.444		16.746.444	870.780	163.271	108.847	1.142.898	15.603.546	
4	Lê Thị Kim Oanh	4,89		0,5		2,67	36%	1,919	9%	0,44	10,41	24.368.727		24.368.727	1.357.001	254.438	169.625	1.781.064	22.587.664	
5	Trần Thị Ánh	4,89		0,5		2,67	35%	1,866	9%	0,44	10,36	24.244.003		24.244.003	1.347.023	252.567	168.378	1.767.968	22.476.035	
6	Phạm Thị Nhân	4,89		0,5		2,67	35%	1,866	9%	0,44	10,36	24.244.003		24.244.003	1.347.023	252.567	168.378	1.767.968	22.476.035	
7	Đặng Thị Đình	4,65		0,5		2,33	25%	1,163			8,64	20.211.750		20.211.750	1.088.100	204.019	136.013	1.428.131	18.783.619	
8	Đặng Thị Hậu	4,98	0,2	0,5		2,59	25%	1,295			9,57	22.382.100		22.382.100	1.212.120	227.273	151.515	1.590.908	20.791.193	
9	Dương Thị Thu Hiền	3,99		0,5		2,00	18%	0,718			7,20	16.855.488		16.855.488	881.375	165.258	110.172	1.156.805	15.698.683	
10	Nguyễn Thị Năm	4,32	0,2	0,5		2,26	22%	0,994			8,27	19.362.096		19.362.096	1.032.296	193.555	129.037	1.354.888	18.007.208	
11	Lê Thị Hoa	3,99		0,5		2,00	18%	0,718			7,20	16.855.488		16.855.488	881.375	165.258	110.172	1.156.805	15.698.683	
12	Đào Thị Lai	3,65		0,5		1,83	19%	0,694			6,67	15.604.290		15.604.290	813.103	152.457	101.638	1.067.198	14.537.092	
13	Nguyễn Thanh Tâm	4,32	0,2	0,5		2,26	20%	0,904			8,18	19.150.560		19.150.560	1.015.373	190.382	126.922	1.332.677	17.817.883	
14	Vàng Thị Kim Hoir	3,99	0,15	0,5		2,07	18%	0,745			7,46	17.445.168		17.445.168	914.509	171.471	114.314	1.200.294	16.244.874	
15	Bùi Thị Hương	3,03		0,5		1,52	12%	0,364			5,41	12.656.124		12.656.124	635.282	119.115	79.410	833.808	11.822.316	
16	Đặng Thị Hoa	3,96		0,5		1,98	17%	0,673			7,11	16.644.888		16.644.888	867.335	162.625	108.417	1.138.377	15.506.511	
17	Bế Thị Thân	3,99		0,5		2,00	14%	0,559			7,04	16.482.024		16.482.024	851.498	159.656	106.437	1.117.591	15.364.433	
18	Bạc Thị Thanh	4,32		0,5		2,16	17%	0,734			7,71	18.051.696		18.051.696	946.184	177.409	118.273	1.241.866	16.809.830	

	Họ và tên	Lương hệ số										BHXH trả thay lương	Ngày hưởng lương thực tế	Các khoản trừ vào lương 10,5%					Thực lĩnh	Ghi chú	
		Hệ số lương	PC CV	PC KV	PCT N	PC ưu đãi nghề	Số năm hướn g PCT NN (%)	Hệ số PCTNN	Số năm hưởng PCTN VK (%)	Hệ số PCTN VK	Cộng hệ số			Tiền lương tháng	8% BHXH	1,5% BHYT	1% BHTN	Cộng			
TT																					
A	B	1	2	3	4	5	6	7,000	8	9	10=1+2 +3+4+6 +8+9	11	12	13	14	15	16	17=14+15+16	18		
19	Thái Thị Tuất	3,99		0,5		2,00	18%	0,718			7,20	16.855.488		16.855.488	881.375	165.258	110.172	1.156.805	15.698.683		
20	Lò Thị Hưng	3,99	0,15	0,5		2,07	18%	0,745			7,46	17.445.168		17.445.168	914.509	171.471	114.314	1.200.294	16.244.874		
21	Ng T Tuyết Chính	3,99		0,5		2,00	18%	0,718			7,20	16.855.488		16.855.488	881.375	165.258	110.172	1.156.805	15.698.683		
22	Nguyễn Thị Biên	3,34		0,5		1,67	14%	0,468			5,98	13.987.584		13.987.584	712.783	133.647	89.098	935.527	13.052.057		
23	Nguyễn Thị Hòa	3,66		0,5		1,83	13%	0,476			6,47	15.129.972		15.129.972	774.222	145.167	96.778	1.016.166	14.113.806		
24	Đào Thị Tươi	3,99		0,5		2,00	17%	0,678			7,16	16.762.122		16.762.122	873.906	163.857	109.238	1.147.001	15.615.121		
25	Thùng Thị Quy	2,72		0,5		1,36	7%	0,190			4,77	11.162.736		11.162.736	544.827	102.155	68.103	715.085	10.447.651		
26	Đoàn Thị Thùy	3,34		0,5		1,67	14%	0,468			5,98	13.987.584		13.987.584	712.783	133.647	89.098	935.527	13.052.057		
27	Cà Thị Hiền	2,41		0,5		1,21	7%	0,169			4,28	10.023.858		10.023.858	482.733	90.512	60.342	633.587	9.390.271		
28	Hà Thu Hiền	3,65		0,5		1,83	17%	0,621			6,60	15.433.470		15.433.470	799.438	149.895	99.930	1.049.262	14.384.208		
29	Nguyễn Thị Lanh	3,34		0,5		1,67	13%	0,434			5,94	13.909.428		13.909.428	706.530	132.474	88.316	927.321	12.982.107		
30	Phạm T. Thủy Mơ	4,65	0,15	0,50		2,40	24%	1,152			8,85	20.713.680		20.713.680	1.114.214	208.915	139.277	1.462.406	19.251.274		
31	Lò Thị Thư	3,33		0,50		1,67	9%	0,300			5,79	13.559.598		13.559.598	679.480	127.402	84.935	891.817	12.667.781		
32	Vũ Thị Rồi	3,99		0,50		2,00	18%	0,718			7,20	16.855.488		16.855.488	881.375	165.258	110.172	1.156.805	15.698.683		
33	Nguyễn Thị Hoài	3,65		0,50		1,83	19%	0,694			6,67	15.604.290		15.604.290	813.103	152.457	101.638	1.067.198	14.537.092		
34	Quảng Thị Yên	2,58		0,50		1,29	9%	0,232			4,60	10.769.148		10.769.148	526.444	98.708	65.805	690.958	10.078.190		
35	Vũ Thị Thảo	2,72		0,50		1,36	8%	0,218			4,80	11.226.384		11.226.384	549.919	103.110	68.740	721.768	10.504.616		
36	Vi Thị Hồng	2,72		0,50		1,36	8%	0,218			4,80	11.226.384		11.226.384	549.919	103.110	68.740	721.768	10.504.616		
37	Lại Thị Đình	3,65		0,50		1,83	16%	0,584			6,56	15.348.060		15.348.060	792.605	148.613	99.076	1.040.294	14.307.766		
38	Lò Thị Khánh	3,96		0,50		1,98	21%	0,832			7,27	17.015.544		17.015.544	896.988	168.185	112.123	1.177.296	15.838.248		
39	Lê Hoàn	3,66		0,5							4,16	9.734.400		9.734.400	685.152	128.466	85.644	899.262	8.835.138		
40	Phạm Thị Vân Anh	3,66	0,2	0,5	0,10						4,46	10.436.400		10.436.400	722.592	135.486	90.324	948.402	9.487.998		
	Cộng biên chế	154,14	2,45	20,00	0,10	75,20	6,80	28,85	x	1,32	282,05	660.000.173	0	660.000.173	34.960.762	6.555.143	4.370.095		45.886.000	614.114.173	

	Họ và tên	Lương hệ số								BHXH trả thay lương	Ngày hưởng lương thực tế	Các khoản trừ vào lương 10,5%				Thực lĩnh	Ghi chú
		Hệ số lương	PC CV	PC KV	PCT N	PC ưu đãi nghề	Số năm hưởng PCTN VK (%)	Hệ số PCTNN	Số năm hưởng PCTN VK (%)	Hệ số PCTN VK	Cộng hệ số	Tiền lương tháng	8% BHXH	1,5% BHYT	1% BHTN	Cộng	
TT																	
A	B	1	2	3	4	5	6	7,000	8	9	10=1+2 +3+4+6 +8+9	11	14	15	16	17=14+15+16	18
II. Lương lao động hợp đồng																	
41	Lại Hữu Long											3.860.000	308.800	57.900	38.600	405.300	3.454.700
42	Nguyễn Tiến Bình											3.860.000	308.800	57.900	38.600	405.300	3.454.700
	Cộng hợp đồng				0,0		x		x			7.720.000	617.600	115.800	77.200	810.600	6.909.400
	Tổng cộng	154,14	2,45	20,0	0,1	75,20	x	28,846	x	1,32	282,05	667.720.173	35.578.362	6.670.943	4.447.295	46.696.600	621.023.573

Tổng số tiền (Viết bằng chữ): Sáu trăm hai triệu không trăm hai ba ngàn năm trăm bảy ba đồng chẵn./.

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Phạm Thị Vân Anh

Phạm Thị Vân Anh

